

Phụ lục V
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

1. Hình thức nuôi thâm canh mật độ cao

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000 m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
1	Tôm thẻ chân trắng			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	200	224.652.400	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	200	230.656.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	200	293.314.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
2	Tôm sú			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	80	128.335.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000 m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	80	144.631.440	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	80	165.831.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 04 tháng	80	171.736.800	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.

2. Hình thức nuôi thâm canh

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000 m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
1	Tôm thẻ chân trắng			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	80	130.146.940	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	80	140.092.700	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000 m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	80	186.844.140	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
2	Tôm sú			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	30	58.071.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	30	70.044.445	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	30	83.815.790	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 04 tháng	30	86.183.300	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
3	Tôm càng xanh			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	20	73.443.180	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000 m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	20	67.541.180	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	20	74.707.180	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
4	Cá tra			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	30	92.742.813	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 03 tháng	30	184.625.900	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 05 tháng	30	330.249.800	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 05 tháng đến 06 tháng	30	548.913.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
5	Cá lóc			

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000 m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	50	151.708.125	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	50	188.366.375	Hỗ trợ 100% giống, công lao động và nhiên liệu, cải tạo ao, thuốc, men vi sinh và thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật
	Trên 03 tháng đến 04 tháng	50	231.250.125	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 05 tháng	50	327.823.375	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
6	Cá rô đồng			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	30	70.640.130	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	30	84.787.930	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 04 tháng	30	115.945.730	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000 m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 05 tháng	30	144.000.130	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
7	Cá trê			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	20	40.489.400	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	20	42.594.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	20	123.176.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
8	Cá chạch			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	40	146.040.226	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	40	155.395.332	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000 m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	40	167.353.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
9	Cá kèo			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	100	280.709.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	100	202.498.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	100	175.004.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 04 tháng	100	132.509.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
10	Lươn			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02	60		Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100%

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000 m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	tháng		317.333.500	lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	60	373.247.550	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	60	516.834.400	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 07 tháng	60	792.359.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
11	Cá thát lát			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 03 tháng	10	159.639.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 06 tháng	10	213.359.900	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 09 tháng	10	258.344.300	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000 m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 09 tháng đến 11 tháng	10	267.343.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
12	Cá sặc rằn			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	20	37.232.660	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	20	44.198.160	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	20	49.914.160	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 07 tháng	20	67.425.100	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.

3. Hình thức nuôi bán thâm canh

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000 m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
1	Tôm thẻ chân trắng			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	60	62.285.740	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	60	85.821.140	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	60	107.974.140	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
2	Tôm sú (luân canh lúa đạt quạt kết hợp cá rô phi, cá măng, cá đối. ...)			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	20	48.296.550	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	20	55.127.850	Hỗ trợ 100% giống, công lao động và nhiên liệu, cải tạo ao, thuốc, men vi sinh và thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000 m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				thuật.
	Trên 03 tháng đến 04 tháng	20	77.308.250	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
3	Tôm càng xanh luân canh với lúa (01 vụ tôm 1 vụ lúa)			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	10	56.239.430	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	10	64.600.305	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	10	35.982.930	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
4	Cá bống tượng			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	02	166.827.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	02	164.685.900	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000 m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	02	152.621.800	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 08 tháng	02	116.043.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.

4. Các hình thức nuôi khác (quảng canh cải tiến, quảng canh kết hợp...)

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
1	Tôm sú xen canh với lúa, tôm rùng, quảng canh			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	08	6.449.240	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	08	7.414.092	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 04 tháng	08	8.477.744	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 05 tháng	08	9.629.540	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
2	Cá bông lau			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 03 tháng	03	93.139.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 06 tháng	03	143.609.200	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 09 tháng	03	206.623.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 09 tháng đến 11 tháng	03	221.038.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
3	Cá nâu			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	06	127.411.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	06	114.979.040	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	06	97.874.400	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 07 tháng	06	81.617.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
4	Ba Ba			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	02	240.505.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	02	204.466.100	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	02	219.835.200	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 09 tháng	02	192.661.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
5	Cua Đỉnh			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	02	1.157.693.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	02	1.019.571.400	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	02	961.054.400	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 08 tháng	02	815.178.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
6	Tôm càng xen canh với lúa			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	08	29.066.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	08	37.324.410	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	08	42.974.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
7	Cá hỗn hợp			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	03	8.670.225	Hỗ trợ 100% giống, công lao động và nhiên liệu, cải tạo ao, thuốc, men vi sinh và thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	03	16.697.200	Hỗ trợ 100% giống, công lao động và nhiên liệu, cải tạo ao, thuốc, men vi sinh và thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	03	22.136.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 08 tháng	03	26.321.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
8	Ếch nuôi trong vèo + cá hỗn hợp			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	80	167.946.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
		05		
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	80	535.582.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
		05		
	Trên 03 tháng đến 04 tháng	80		Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m ²)	Mức giá (đồng/1000m ²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
		05	556.815.000	ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
9	Cá thát lát + cá sặc rằn			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	08	46.577.940	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
		02		
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	08	73.589.238	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
		02		
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	08	94.142.536	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật..
		02		
	Trên 06 tháng đến 09 tháng	08	104.989.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
		02		
10	Cá chêm vây vàng			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 03 tháng	03	121.367.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 06 tháng	03	143.378.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 09 tháng	03	151.856.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 09 tháng đến 11 tháng	03	143.728.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
11	Nuôi kết hợp tôm, cua, vọp			
Tôm sú	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	08	23.777.840	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	08	27.167.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 05 tháng	08	26.594.800	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
Cua biển	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	0,5	7.634.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	0,5	8.007.500	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 05 tháng	0,5	6.170.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
Vọp	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	01	2.350.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	01	1.750.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	01	26.364.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 06 tháng đến 07 tháng	01	29.533.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
12	Cá đối			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	04	52.068.720	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	04	57.832.400	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến tháng	04	60.366.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất. và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 07 tháng	04	61.987.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
13	Nuôi hàu treo giàn bè trên sông			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 06 tháng		200.014.000	Hỗ trợ 100% chi phí làm bè, công lao động và nhiên liệu, tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 06 tháng đến 10 tháng		164.190.000	Hỗ trợ 100% chi phí làm bè, công lao động và nhiên liệu, tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 10 tháng đến 14 tháng		145.866.000	Hỗ trợ 100% chi phí làm bè, công lao động và nhiên liệu, tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 14 tháng đến 18 tháng		175.042.000	Hỗ trợ 100% chi phí làm bè, công lao động và nhiên liệu, tại thời điểm thu hồi đất.
14	Cua biển			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	01	48.606.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	01	43.791.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 05 tháng	01	31.405.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
15	Cá tai tượng			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	02	22.471.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 04 tháng đến 06 tháng	02	37.728.740	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 08 tháng	02	67.097.880	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 08 tháng đến 09 tháng	02	86.266.800	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
16	Cá rô phi đơn tính			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 02 tháng	05	15.273.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 04 tháng	05	24.466.950	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 04 tháng đến 05 tháng	05	28.410.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
17	Nghêu			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 03 tháng	150	34.686.600	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 06 tháng	150	30.145.200	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 09 tháng	150	25.603.800	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 09 tháng đến 11 tháng	150	17.464.200	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
18	Sò huyết			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 03 tháng	200	76.507.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động và nhiên liệu, tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
	Trên 03 tháng đến 06 tháng	200	77.014.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động và nhiên liệu, tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 09 tháng	200	77.521.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động và nhiên liệu, tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 09 tháng đến 11 tháng	200	69.859.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động và nhiên liệu, tại thời điểm thu hồi đất.
19	Vọp			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 03 tháng	100	78.338.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 03 tháng đến 06 tháng	100	68.676.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 70% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 06 tháng đến 09 tháng	100	59.014.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 40% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 09 tháng đến 11 tháng	100	39.183.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo

STT	Loại thủy sản	Mật độ thả (con/m²)	Mức giá (đồng/1000m²)	Tỷ lệ hỗ trợ (%)
				ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.
20	Ếch			
	Từ lúc mới thả nuôi đến 01 tháng	60	173.281.800	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 100% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 01 tháng đến 02 tháng	60	266.636.400	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất và 50% lợi nhuận được tính đến thời kỳ thu hoạch theo định mức kỹ thuật.
	Trên 02 tháng đến 03 tháng	60	410.024.000	Hỗ trợ 100% giống, công lao động, nhiên liệu, công cải tạo ao, thuốc, men vi sinh, thức ăn tại thời điểm thu hồi đất.